

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung Luật Đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 ngày 27/06/2024;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 344/QĐ-TTYT ngày 25/6/2025 của Trung tâm Y tế huyện Phù Cát về việc thanh lý tài sản công;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 25170/CT-EXIMVAS ngày 06/06/2025 của Công ty Cổ phần Giám định và Thẩm định EXIMVAS;

Trung tâm Y tế huyện Phù Cát thông báo về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản là tài sản thanh lý của Trung tâm Y tế huyện Phù Cát, với nội dung như sau:

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá

- Tên đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Phù Cát.

- Địa chỉ: số 12, đường 3 tháng 2, thị trấn Ngô Mây, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- Số điện thoại: 0256.3750.616.

2. Thông tin tài sản đấu giá: Theo phụ lục đính kèm.

3. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá: 9.983.000 đồng.

(Bằng chữ: Chín triệu chín trăm tám mươi ba nghìn đồng)

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại Điều 3 và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp, cụ thể như sau:

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia thực hiện đấu giá

- Thời gian nộp hồ sơ: Từ ngày ra thông báo đến 15 giờ 00 phút, ngày 03/7/2025 (trong giờ hành chính).

- Địa điểm nộp hồ sơ: Bộ phận văn thư thuộc Phòng Tổ chức - Hành chính, Trung tâm Y tế huyện Phù Cát; địa chỉ: Số 12, đường 3 tháng 2, thị trấn Ngô Mây, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- Số điện thoại liên hệ: 0256.3750.616.

* **Lưu ý:** Hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá tài sản được đóng thành quyển, niêm phong, có chữ ký người đại diện và đóng dấu của đơn vị. Những đơn vị không được lựa chọn, Trung tâm Y tế sẽ không hoàn trả hồ sơ.

Trung tâm Y tế huyện Phù Cát thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản biết và nộp hồ sơ tham gia đúng thời hạn quy định./.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản;
- Lãnh đạo TTYT;
- Trang TTĐT đơn vị;
- Các khoa, phòng, trạm Y tế;
- Lưu: VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC

Trần Thúc Khả

PHỤ LỤC
DACH MỤC TÀI SẢN BÁN ĐẦU GIÁ CỦA TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN PHÙ CÁT
(Kèm theo Thông báo số: /TB-TTYT ngày / /2025 của TTYT huyện Phù Cát)

STT	THÔNG TIN TÀI SẢN								Giá để tổ chức bán thanh lý (đồng)	Lý do thanh lý	Ghi chú
	Tên tài sản	Bộ phận	Mã số	Năm sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)				
							Nguyên giá	Giá trị còn lại đến thời điểm kiểm kê cuối năm 2024			
1	Máy vi tính để bàn 2011	Khoa Khám bệnh	53712011NS	2011	Bộ	1	12.961.000	0	50.000	Sử dụng đã lâu năm, công nghệ cũ, không có linh kiện để thay thế, không sửa chữa được, không còn như hiện trạng ban đầu	
2	Bộ khám điều trị RHM + ghế + máy lấy cao răng bằng SA	Khoa Khám bệnh	613212009TP	2009	Cái	1	263.550.000	0	500.000	Hư điều khiển, mạch phát xung siêu âm, không còn nguyên hiện trạng	
3	Hệ thống xếp hàng điện tử	Khoa Khám bệnh	5209122013LP	2013	Cái	1	58.666.000	0	9.000	Sử dụng đã lâu năm, công nghệ cũ, không có linh kiện để thay thế, không sửa chữa được, không còn như hiện trạng ban đầu	
4	Bảng quảng cáo	Khoa Khám bệnh	513712017Orbis	2017	Cái	1	10.000.000	0	10.000	Sử dụng đã lâu năm, hư hỏng, không thể sửa chữa được, không còn như hiện trạng ban đầu	
5	Đèn điều trị vàng da Bitson	Khoa Nhi	65232015TP	2015	Cái	2	33.600.000	0	100.000	Hư bộ nguồn, ắc quy, bóng đèn, sử dụng đã lâu năm, công nghệ cũ, không có linh kiện để thay thế, không sửa chữa được, không còn như hiện trạng ban đầu	

STT	THÔNG TIN TÀI SẢN								Giá để tổ chức bán thanh lý (đồng)	Lý do thanh lý	Ghi chú
	Tên tài sản	Bộ phận	Mã số	Năm sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)				
							Nguyên giá	Giá trị còn lại đến thời điểm kiểm kê cuối năm 2024			
6	Máy sinh hóa nước DR 2800	Khoa Xét nghiệm	669112010NS	2010	Cái	1	98.400.000	0	400.000	Hư lcd, các bước sóng đo quang học, không còn như hiện trạng ban đầu	
7	Máy sinh hoá nước tiểu	Khoa Xét nghiệm	627612012NS	2009	Cái	1	16.550.000	0	250.000	Hỏng, sử dụng đã lâu năm, công nghệ cũ, không có linh kiện để thay thế, không sửa chữa được, không còn như hiện trạng ban đầu	
8	Máy vi tính laptop	Phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	5223122008DS	2008	Cái	1	12.450.000	0	70.000	Sử dụng đã lâu năm, công nghệ cũ, không có linh kiện để thay thế, không sửa chữa được, không còn như hiện trạng ban đầu	
9	Máy phun thuốc chống dịch (đeo lưng) ULV SR 430	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	6216122019NST	2019	Cái	1	22.000.000	7.700.000	50.000	Hỏng động cơ xylanh, không sửa chữa được, không còn như hiện trạng ban đầu	
10	Máy phun thuốc chống dịch (đeo lưng) ULV SR 430	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	6218122019NST	2019	Cái	1	22.000.000	7.700.000	50.000	Hỏng động cơ xylanh, không sửa chữa được, không còn như hiện trạng ban đầu	

STT	THÔNG TIN TÀI SẢN								Giá để tổ chức bán thanh lý (đồng)	Lý do thanh lý	Ghi chú
	Tên tài sản	Bộ phận	Mã số	Năm sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)				
							Nguyên giá	Giá trị còn lại đến thời điểm kiểm kê cuối năm 2024			
11	Máy phun thuốc chống dịch (đeo lưng) ULV SR 430	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	6222122019NST	2019	Cái	1	22.000.000	7.700.000	50.000	Hỏng động cơ xylanh, không sửa chữa được, không còn như hiện trạng ban đầu	
12	Máy điện tim ECG 1101B	Khoa Chăm sóc sức khoẻ sinh sản và Phụ sản	65892012QPTSN	2012	Cái	1	14.999.985	0	250.000	Hư bo mạch kết nối tín hiệu điện tim, Lcd, không còn nguyên hiện trạng	
13	Máy monitoring 6 thông số	Khoa Chăm sóc sức khoẻ sinh sản và Phụ sản	63032011NS	2011	Cái	1	165.302.773	0	300.000	Hư bo mạch điều khiển, các đầu dò vỡ nát, không còn nguyên hiện trạng	
14	Máy vi tính Đông Nam Á	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ và Điều dưỡng	5224122008DS	2008	bộ	1	10.100.000	0	50.000	Sử dụng đã lâu năm, công nghệ cũ, không có linh kiện để thay thế, không sửa chữa được, không còn như hiện trạng ban đầu	
15	Máy vi tính để bàn 2008	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ và Điều dưỡng	55112006N	2006	bộ	1	11.635.000	0	70.000	Sử dụng đã lâu năm, công nghệ cũ, không có linh kiện để thay thế, không sửa chữa được, không còn như hiện trạng ban đầu	
16	Máy vi tính để bàn 2008	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ và Điều dưỡng	50312008NS	2008	bộ	1	22.100.000	0	70.000	Sử dụng đã lâu năm, công nghệ cũ, không có linh kiện để thay thế, không sửa chữa được, không còn như hiện trạng ban đầu	

STT	THÔNG TIN TÀI SẢN								Giá để tổ chức bán thanh lý (đồng)	Lý do thanh lý	Ghi chú
	Tên tài sản	Bộ phận	Mã số	Năm sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)				
							Nguyên giá	Giá trị còn lại đến thời điểm kiểm kê cuối năm 2024			
17	Máy vi tính để bàn 2008	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ và Điều dưỡng	53012008NS	2008	bộ	1	11.830.000	0	70.000	Sử dụng đã lâu năm, công nghệ cũ, không có linh kiện để thay thế, không sửa chữa được, không còn như hiện trạng ban đầu	
18	Máy vi tính để bàn 2008	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ và Điều dưỡng	53312008NS	2008	bộ	1	10.530.000	0	70.000	Sử dụng đã lâu năm, công nghệ cũ, không có linh kiện để thay thế, không sửa chữa được, không còn như hiện trạng ban đầu	
19	Máy vi tính để bàn 2013	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ và Điều dưỡng	512292013NS	2013	bộ	1	12.970.000	0	70.000	Sử dụng đã lâu năm, công nghệ cũ, không có linh kiện để thay thế, không sửa chữa được, không còn như hiện trạng ban đầu	
20	Máy vi tính để bàn 2015	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ và Điều dưỡng	511612015NS	2015	bộ	1	11.000.000	0	70.000	Sử dụng đã lâu năm, công nghệ cũ, không có linh kiện để thay thế, không sửa chữa được, không còn như hiện trạng ban đầu	
21	Máy tạo Oxy Platinum HFII	Khoa Ngoại	643102003NS	1996 đến 2025	Cái	1	157.983.650	0	400.000	Hư hệ thống tạo oxy, không sửa chữa được, không còn như hiện trạng ban đầu	
22	Máy gây mê SL - 180	Khoa Ngoại	659101998NS	1998	cái	1	81.900.000	0	300.000	Hư hệ thống ống dẫn áp lực, không còn nguyên hiện trạng, không còn như hiện trạng ban đầu	

STT	THÔNG TIN TÀI SẢN								Giá để tổ chức bán thanh lý (đồng)	Lý do thanh lý	Ghi chú
	Tên tài sản	Bộ phận	Mã số	Năm sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)				
							Nguyên giá	Giá trị còn lại đến thời điểm kiểm kê cuối năm 2024			
23	Máy điện tim ECG 1501	Khoa Nội	657112013NSX	2013	Cái	1	15.592.000	0	250.000	Hư bàn phím điều khiển, đầu in nhiệt, không còn nguyên hiện trạng	
24	Máy thở	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc	639102009NS	2008	Cái	1	656.250.000	0	850.000	Mất phần mềm, hư monitor và 2 bộ trộn khí, không còn nguyên hiện trạng	
25	Máy thở	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc	662102002NS	2002	Cái	1	161.930.446	0	500.000	Hư máy nén khí trong, hệ thống đường ống hơi vỡ nát, không còn nguyên hiện trạng	
26	Máy siêu âm xách tay 2 đầu dò và máy in	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc	612102009TP	2009	Cái	1	264.075.000	0	680.000	Hư board mạch điều khiển, phím không bấm được, bong đầu dò, không còn như hiện trạng ban đầu	
27	Máy siêu âm trắng đen (xách tay) Logiq 200	Phòng khám Đa khoa khu vực Cát Minh	6110102001YTQG	2001	Cái	1	223.144.790	0	650.000	Hư nguồn, bo mạch CPU, không còn nguyên hiện trạng	Đã điều chuyển về khoa Dược-TTB-VTYT
28	Máy siêu âm đen trắng xách tay 2 đầu dò kèm máy in	Trạm Y tế xã Cát Thành	6146102009TP	2009	Cái	1	349.125.000	0	700.000	Hư board mạch điều khiển, phím không bấm được, bong đầu dò, không còn như hiện trạng ban đầu	Đã điều chuyển về khoa Dược-TTB-VTYT
29	Máy vi tính để bàn 2015	Trạm Y tế thị trấn Cát Tiến	511012015NS	2015	bộ	1	11.000.000	0	70.000	Hỏng, sử dụng đã lâu năm, công nghệ cũ, không có linh kiện để thay thế, không sửa chữa được, không còn như hiện trạng ban đầu	Đã điều chuyển về phòng Kế hoạch-Nghị vụ và Điều dưỡng

STT	THÔNG TIN TÀI SẢN								Giá để tổ chức bán thanh lý (đồng)	Lý do thanh lý	Ghi chú
	Tên tài sản	Bộ phận	Mã số	Năm sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)				
							Nguyên giá	Giá trị còn lại đến thời điểm kiểm kê cuối năm 2024			
30	Máy in màu 2009	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	514062009XHH	2008	Cái	1	19.110.000	0	100.000	Hỏng, sử dụng đã lâu năm, công nghệ cũ, không có linh kiện để thay thế, không sửa chữa được, không còn như hiện trạng ban đầu	
31	Máy X-Quang di động hiệu BOXBILE	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	61572010NS	2010	Cái	1	154.500.000	0	550.000	Hư bộ nguồn, ắc quy, không dùng điện trực tiếp được, không còn như hiện trạng ban đầu	
32	Máy siêu âm trắng đen xách tay	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	61072010NS	2009	Cái	1	150.375.000	0	500.000	Hư nguồn, bo mạch CPU, không còn nguyên hiện trạng	
33	Máy siêu âm trắng đen xách tay	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	614102009NS	2009	Cái	1	240.326.625	0	600.000	Hư LCD, ổ cứng chương trình siêu âm, không còn nguyên hiện trạng	
34	Máy siêu âm đen trắng xách tay 1 đầu dò Fuduka Deshi và máy in	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	614752013VH	2013	Cái	1	178.080.000	0	550.000	Hư monitor, bàn phím, không còn nguyên hiện trạng	
35	Máy vi tính để bàn 2009	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	505112009GV	2015	bộ	1	14.656.200	0	70.000	Hỏng, sử dụng đã lâu năm, công nghệ cũ, không có linh kiện để thay thế, không sửa chữa được, không còn như hiện trạng ban đầu	
36	Mái hiên trạm y tế xã Cát Tân	Trạm Y tế xã Cát Tân	32012015NS	2015	m2	50	24.336.707	4.867.339	200.000	Đã tháo dỡ năm 2021 để xây dựng trạm Y tế mới (Vật tư, vật liệu thu hồi được)	

STT	THÔNG TIN TÀI SẢN								Giá để tổ chức bán thanh lý (đồng)	Lý do thanh lý	Ghi chú
	Tên tài sản	Bộ phận	Mã số	Năm sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)				
							Nguyên giá	Giá trị còn lại đến thời điểm kiểm kê cuối năm 2024			
37	Mái hiên sau + nhà vệ sinh TYT xã Cát Hanh	Trạm Y tế xã Cát Tân	31012006NS	2006	m2	45,5	51.836.738	10.367.346	182.000	Đã tháo dỡ năm 2019 để xây dựng trạm Y tế mới (Vật tư, vật liệu thu hồi được)	
38	Nhà xe nhân viên + mái hiên TYT xã Cát Hanh	Trạm Y tế xã Cát Tân	31112015NS	2015	m2	68	45.745.284	9.149.059	272.000	Đã tháo dỡ năm 2019 để xây dựng trạm Y tế mới (Vật tư, vật liệu thu hồi được)	
	Tổng cộng								9.983.000		

PHỤ LỤC I
BẢNG TIÊU CHÍ
ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(Kèm theo Thông báo số: /TB-TTYT ngày / /2025 của TTYT huyện Phù Cát)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	<i>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</i>	10,0
1.1	<i>Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc</i>	5,0
1.2	<i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện</i>	5,0
2.	<i>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</i>	5,0
2.1	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	2,0
2.2	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	3,0
3.	<i>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</i> <i>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp</i>	2,0
4.	<i>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm 2024 đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i>	1,0

5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm 2024 Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0

3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm 2024 Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm 2024 có mức chênh lệch từ 10% trở lên Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm 2024 có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: $Số\ điểm\ của\ B = (U \times 3) / Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm 2024 có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: $Số\ điểm\ của\ C = (V \times 3) / Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0

6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm 2024, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0

V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0
1.	Trong năm 2024, đã tổ chức đấu giá thành tài sản quyền cho thuê (Tổ chức hành nghề đấu giá liệt kê tất cả các cuộc đấu giá thành công trên địa bàn tỉnh Bình Định)	3,0
	Từ 01 đến 05 cuộc đấu giá thành	1,0
	Từ 06 đến 10 cuộc đấu giá thành	2,0
	Trên 10 cuộc đấu giá thành	3,0
2.	Đã từng ký kết Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh Bình Định	2,0
Tổng số điểm		100